

Số: 357 /QĐ-BGTVT

Hà Nội, ngày 22 tháng 3 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Công trình nạo vét
bảo đảm giao thông kênh Quán Lộ - Phụng Hiệp từ Km93+500 đến
Km101+840**

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Luật bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10/2/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Công trình nạo vét bảo đảm giao thông kênh Quán Lộ - Phụng Hiệp từ Km93+500 đến Km101+840 họp ngày 30/12/2021;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Công trình nạo vét bảo đảm giao thông kênh Quán Lộ - Phụng Hiệp từ Km93+500 đến Km101+840 đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Công văn số 354/CĐTND-KHCN-HTQT&MT ngày 25/02/2022 của Cục Đường thủy nội địa Việt Nam;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Công trình nạo vét bảo đảm giao thông kênh Quán Lộ - Phụng Hiệp từ Km93+500 đến Km101+840 (sau đây gọi là Dự án) của Cục Đường thủy nội địa Việt Nam (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại các xã An Xuyên, xã Tân Thành, phường Tân Xuyên, phường Tân Thành, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Bộ; Vụ trưởng các Vụ: Môi trường, Kết cấu hạ tầng giao thông; Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- UBND tỉnh Cà Mau;
- Công TTĐT Bộ GTVT (để đăng tải);
- Lưu: VT, MT_{NTT}.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Xuân Sang

Phụ lục

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CÔNG TRÌNH NẠO VÉT ĐẢM BẢO GIAO THÔNG KÊNH QUẢN LỘ - PHỤNG HIỆP TỪ KM 93+500 ĐẾN KM 101+840

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BGTVT ngày tháng năm 2022
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

a) Tên dự án

Công trình Nạo vét đảm bảo giao thông kênh Quản Lộ - Phụng Hiệp từ Km93+500 đến Km101+840.

b) Chủ dự án

- Cục Đường thủy nội địa Việt Nam

- Địa chỉ liên hệ: Số 5 Tôn Thất Thuyết, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

- Điện thoại: 0243.9421887

Fax: 0243.9420788

c) Địa điểm thực hiện

- Vị trí nạo vét tuyến kênh Quản Lộ - Phụng Hiệp từ Km93+500 đến Km101+840 đi qua địa bàn các xã An Xuyên, xã Tân Thành, phường Tân Xuyên, phường Tân Thành, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Bãi chứa chất nạo vét thuộc địa phận phường Tân Thành, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

1.2. Phạm vi, quy mô thực hiện; các hạng mục công trình

a) Kênh Quản Lộ - Phụng Hiệp từ Km93+500 đến Km101+840

- Tổng chiều dài nạo vét trên tuyến kênh là 8,34 km từ Km93+500 đến Km101+840.

- Chuẩn tắc luồng:

+ Chiều rộng luồng từ Km 93+500 đến Km 97+300: B = 25m.

+ Chiều rộng luồng từ Km 97+300 đến Km 101+840: B = 16m.

+ Cao độ đáy luồng: H = -3,1m (Hệ độ cao Hòn Dấu, ứng với chiều sâu chạy tàu H = 2,70m).

+ Mái dốc: m = 2

- Tổng khối lượng nạo vét là: 101.397,46 m³

Tọa độ các điểm giới hạn khu vực nạo vét (tính từ tìm luồng theo lý trình kênh Quản Lộ - Phụng Hiệp từ Km93+500 đến Km101+840) như sau:

Bảng 1. Tọa độ các điểm giới hạn khu vực nạo vét

STT	Lý Trình	Tọa độ tìm luồng	
		X (M)	Y (M)
1	Km 93+500	1.020.232,55	580.220,88
2	Km 94+000	1.020.197,96	579.793,16
3	Km 94+500	1.019.809,10	579.499,06
4	Km 95+000	1.019.422,50	579.193,89
5	Km 95+500	1.019.341,29	578.759,19
6	Km 96+000	1.019.158,55	578.322,66
7	Km 96+500	1.018.989,14	577.910,14
8	Km 97+000	1.018.725,20	577.548,75
9	Km 97+500	1.018.603,97	577.077,97
10	Km 98+000	1.018.461,47	576.601,08
11	Km 98+500	1.018.279,51	576.135,75
12	Km 99+000	1.018.107,79	575.666,60
13	Km 99+500	1.017.994,59	575.181,17
14	Km 100+000	1.017.748,17	574.762,70
15	Km 100+500	1.017.357,32	574.471,33
16	Km 101+000	1.017.111,27	574.036,56
17	Km 101+500	1.016.845,47	573.613,25
18	Km 101+840	1.016.671,20	573.321,42

Ghi chú: Hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực $104^{\circ}30'$ múi chiếu 3° .

b) Bãi chứa chất nạo vét

Bãi chứa chất nạo vét đã được UBND tỉnh Cà Mau chấp thuận tại Công văn số 8228/UBND-XD ngày 30/12/2021, thuộc địa phận phường Tân Thành, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Bãi chứa có tổng diện tích khoảng 280.000 m² với sức chứa khoảng 224.000 m³.

Bảng 2. Thông tin về các bãi chứa

STT	Lý trình	Tên chủ đất	Phía bờ	Khối lượng thực tế của bãi chứa (sau khi đã trừ ngăn lảng, bờ bao)			Ghi chú
				Diện tích (m ²)	Chiều cao TB (m)	Khối lượng (m ³)	
1	Km 100+600	Công ty Cổ phần tập đoàn Đồng Tâm	Trái	280.000	0,8	224.000	Bãi chứa
	Tổng			280.000		224.000	

1.3. Công nghệ thi công công trình

a) Bãi chứa chất nạo vét

- Đê bao, đê ngăn bãi chứa: kết cấu đê là đất đắp; mặt đê phía trong bãi được phủ một lớp vải bạt PE; đỉnh đê bao rộng 1,0 m; đỉnh đê ngăn rộng 1,0 m; độ dốc mái đê $m = 2$.

- Cửa xả bãi chứa: tại vị trí cửa xả lắp đặt ống PVC đường kính 250 mm để thoát nước ra nguồn tiếp nhận.

b) Nạo vét luồng

Thi công nạo vét bằng: 05 máy đào gầu dây (xăng cạp) dung tích gầu 2,3 m³ đưa chất nạo vét lên 05 sà lan 400 tấn vận chuyển với khoảng cách trung bình khoảng 04 km, sử dụng 03 tàu hút phun 585CV bơm hút trực tiếp chất nạo vét từ sà lan đưa lên bãi chứa.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án

2.1. Các tác động môi trường chính của dự án

Bảng 3. Các tác động môi trường chính của dự án

TT	Hoạt động của dự án	Các tác động môi trường chính của dự án
1	Thi công bãi chứa	<ul style="list-style-type: none"> - Thay đổi chất lượng môi trường nước kênh do: (1) hoạt động nạo vét của các phương tiện, thiết bị thi công; (2) nước tràn từ khoang chứa của sà lan; (3) nước xả từ bãi chứa chất nạo vét; (4) nước thải sinh hoạt của công nhân. - Thay đổi chất lượng môi trường không khí do bụi và khí độc (TSP, CO, SO₂, NO₂) phát sinh trong hoạt động của phương tiện, thiết bị tham gia thi công. - Phát sinh CTR thông thường, CTR từ chất nạo vét, CTNH trong quá trình thi công. - Phát sinh tiếng ồn từ hoạt động của phương tiện, thiết bị tham gia thi công. - Nguy cơ sạt lở đường bờ, sạt lở công trình dân sinh; nguy cơ tái bồi lắng tự nhiên; sự cố tràn dầu; sự cố đê bãi chứa; sự cố vỡ, rò rỉ đường ống; .v.v.
2	Thi công nạo vét tuyến luồng	
3	Vận chuyển chất nạo vét từ khu vực nạo vét đến gần khu vực bãi chứa	
4	Bơm chuyển chất nạo vét lên bãi chứa	

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải

a) Nước xả từ bãi chứa chất nạo vét

Nước xả từ bãi chứa chất nạo vét có nồng độ chất rắn lơ lửng cao phát sinh trong 63 ngày thi công nạo vét tuyến luồng khi lắng đọng, tách chất nạo vét với tổng thể tích khoảng 402 m³/ngày.

b) Nước thải sinh hoạt

Nước thải sinh hoạt chứa các chất lơ lửng, các hợp chất hữu cơ và các vi sinh vật phát sinh trong 63 ngày thi công từ sinh hoạt của tối đa 60 cán bộ, công

nhân trên các phương tiện tham gia thi công và nhà thuê trọ với thể tích khoảng $4,8 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

c) Nước tràn từ khoang chứa chất nạo vét của các sà lan

Nước tràn từ khoang chứa chất nạo vét của các sà lan có nồng độ chất rắn lơ lửng cao có thể phát sinh trong khoảng 63 ngày thi công trên phạm vi vận chuyển chất nạo vét từ vị trí nạo vét về bãi chứa với khối lượng không đáng kể.

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải

Bụi, khí thải (TSP, SO_2 , NO_2 , CO) phát sinh từ đốt khoảng 4.309,7 lít dầu DO/ca của các phương tiện thi công trong 63 ngày thi công trên phạm vi dọc tuyến thi công nạo vét, vận chuyển và bãi chứa chất nạo vét.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn từ chất nạo vét

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong 63 ngày thi công từ hoạt động của tối đa 60 cán bộ, công nhân trên các phương tiện thủy tham gia thi công và nhà thuê trọ với khối lượng khoảng 30 kg/ngày.

Chất thải rắn phát sinh thi công từ chất nạo vét của dự án (bao gồm: cành cây, bao bì, phế liệu, rác thải nhựa...) khoảng 20 m^3 đến 30 m^3 .

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

Chất thải nguy hại (chủ yếu là: dầu thải; nước lẫn dầu; giẻ lau dính dầu) phát sinh trong 63 ngày thi công do rò rỉ nhiên liệu, thay dầu bôi trơn, bảo dưỡng, sửa chữa máy móc, thiết bị, phương tiện tham gia thi công với khối lượng phát sinh phụ thuộc vào tình trạng kỹ thuật, chu kỳ bảo dưỡng máy móc, thiết bị, phương tiện.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

3.1. Về thu gom, xử lý nước thải

a) Nước từ bãi chứa chất nạo vét

- Thi công tạo đê bao, đê ngăn, cửa xả bãi chứa chất nạo vét theo đúng thiết kế bản vẽ thi công được duyệt.

- Sử dụng tàu hút phun đúng số lượng, chủng loại, công suất được duyệt.

b) Nước thải sinh hoạt

- Đối với nước thải vệ sinh: phương tiện thủy tham gia thi công được trang bị nhà vệ sinh và được kiểm tra, chứng nhận về phòng ngừa ô nhiễm môi trường theo quy định của QCVN 17:2011/BGTVT/SĐ2:2016.

- Đối với nước thải từ quá trình tắm giặt, rửa tay, ăn uống: thu gom, lọc tách rác trước khi xả vào nguồn tiếp nhận; rác sau khi tách phải được thu gom, lưu giữ, xử lý theo yêu cầu tại mục 3.3.

- Quy định cán bộ, công nhân tham gia thi công không phóng uế bừa bãi,

không thải trực tiếp nước thải ra môi trường xung quanh.

c) Nước tràn từ khoang chứa chất nạo vét của các sà lan

- Sử dụng máy đào gầu dây và sà lan đúng số lượng, chủng loại, công suất được duyệt.

- Quy định cán bộ, công nhân tham gia thi công tuân thủ trọng tải của sà lan.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải

Phương tiện thủy và thiết bị, máy móc sử dụng trong thi công đúng số lượng, chủng loại, công suất được duyệt và được kiểm tra, chứng nhận về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn từ chất nạo vét

- Trang bị thùng chứa rác trên phương tiện thủy tham gia thi công theo quy định tại QCVN 17:2011/BGTVT/SĐ2:2016.

- Quy định cán bộ, công nhân tham gia thi công có trách nhiệm bỏ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn từ chất nạo vét vào thùng đựng trên phương tiện; không thải chất thải rắn ra môi trường xung quanh.

- Lưu giữ tạm thời chất thải sinh hoạt, chất thải rắn từ chất nạo vét trên phương tiện; định kỳ thực hiện chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt cho đơn vị có chức năng trên địa bàn thi công công trình để thu gom, vận chuyển, xử lý phù hợp với quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Đối với dầu thải, nước lẫn dầu: phương tiện thủy tham gia thi công được bố trí thùng chứa, két chứa và được kiểm tra, chứng nhận về phòng ngừa ô nhiễm môi trường theo quy định của QCVN 17:2011/BGTVT/SĐ2:2016.

- Đối với giẻ lau dính dầu: trang bị thùng chứa loại 50 lít màu đen hoặc màu vàng trên từng phương tiện thủy tham gia thi công; dán nhãn cảnh báo tiêu chuẩn theo quy định và bố trí thùng chứa tại vị trí có mái che.

- Quy định cán bộ, công nhân tham gia thi công có trách nhiệm lưu giữ chất thải nguy hại trong thùng chứa, két chứa trên phương tiện; không thải chất thải nguy hại ra môi trường xung quanh.

- Thực hiện chuyển giao chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3.5. Các biện pháp giảm thiểu tác động của tiếng ồn

- Phương tiện thủy và thiết bị, máy móc sử dụng trong thi công đúng số lượng, chủng loại, công suất được duyệt và được kiểm tra, chứng nhận về chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định.
- Tuân thủ biện pháp tổ chức thi công theo thiết kế bản vẽ thi công được duyệt.
- Trang bị bảo hộ lao động cá nhân giảm ồn cho công nhân vận hành phương tiện, máy móc, thiết bị thi công theo quy định.

3.6. Các công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

a) Biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó rủi ro, sự cố tràn dầu

- Tuân thủ phương án bảo đảm an toàn đường thủy nội địa trong thi công công trình.
- Phương tiện thủy tham gia thi công có đủ năng lực ứng phó sự cố tràn dầu theo quy định tại Quyết định số 12/2021/QĐ-TTg ngày 24/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ; bố trí gờ vây gom dầu cho kết chứa, máy, thiết bị, khu vực bảo dưỡng, .v.v. có sử dụng/phát sinh dầu trên mặt boong phương tiện.
- Thỏa thuận với đơn vị có chức năng ứng phó sự cố tràn dầu trên địa bàn trước khi thi công công trình để phối hợp khi xảy ra sự cố tràn dầu.

b) Biện pháp phòng ngừa, ứng phó với sự cố đê bãi chứa

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát tình trạng đê bao, đê ngăn, mực nước trong bãi chứa để có biện pháp gia cố phù hợp.
- Trong trường hợp xảy ra sự cố đê bao bãi chứa: dừng thi công; gia cố đê bao bảo đảm yêu cầu của thiết kế bản vẽ thi công; báo cáo các cơ quan có thẩm quyền liên quan chấp thuận trước khi tái thi công.

c) Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sạt lở, hư hỏng các công trình dọc hai bên tuyến luồng

- Sử dụng tàu hút phun, máy đào gầu dây, sà lan và tàu kéo đúng số lượng, chủng loại, công suất được duyệt.
- Phối hợp với chính quyền địa phương giám sát đúng phạm vi, cao độ thi công và khối lượng nạo vét.
- Giám sát đường bờ và công trình hai bên bờ kênh trên đoạn tuyến nạo vét trước khi thi công và trong suốt thời gian thi công. Trường hợp xảy ra sạt lở, hư hỏng công trình hoặc tiềm ẩn nguy cơ sạt lở, hư hỏng công trình phải dừng thi công và phối hợp với chính quyền địa phương và các cơ quan chức năng liên quan có biện pháp khắc phục phù hợp; đền bù thiệt hại theo quy định của pháp luật.

4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

4.1. Chương trình quản lý môi trường của chủ dự án

Chủ dự án quản lý công tác bảo vệ môi trường của dự án thông qua:

a) Quy định trách nhiệm của nhà thầu thi công tuân thủ thực hiện các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường nêu tại mục 3 Phụ lục này trong hợp đồng thi công dự án;

b) Thuê tổ chức tư vấn độc lập giám sát, đôn đốc nhà thầu thi công thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong suốt thời gian thi công dự án;

c) Thuê tổ chức quan trắc môi trường độc lập định kỳ thực hiện quan trắc, lấy mẫu và phân tích trong phòng thí nghiệm các chỉ tiêu chất lượng môi trường liên quan trong suốt thời gian thi công dự án;

d) Hướng dẫn, phổ biến công tác bảo vệ môi trường của dự án tới cán bộ, công nhân tham gia thi công.

Chi tiết chương trình quản lý môi trường của chủ dự án tại mục 4.1 Chương 4 của Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án được duyệt.

4.2. Chương trình giám sát môi trường của chủ dự án

a) Giám sát nước thải

- Nội dung giám sát: Giám sát việc tuân thủ thực hiện các công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải nêu tại mục 3.1.

- Vị trí giám sát: Trên các phương tiện thủy tham gia thi công và bãi chứa chất nạo vét.

- Đơn vị chịu trách nhiệm giám sát: Tư vấn giám sát thi công.

- Tần suất giám sát: Hàng ngày trong suốt thời gian thi công công trình.

- Tần suất báo cáo: 01 tuần/lần.

b) Giám sát chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại

- Nội dung giám sát: Giám sát khối lượng chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại phát sinh và việc tuân thủ thực hiện các công trình, biện pháp thu gom, xử lý nêu tại mục 3.3 và 3.4.

- Vị trí giám sát: trên các phương tiện thủy tham gia thi công và bãi chứa chất nạo vét.

- Đơn vị chịu trách nhiệm giám sát: Tư vấn giám sát thi công.

- Tần suất: hàng ngày trong suốt thời gian thi công công trình.

- Tần suất báo cáo: 01 tuần/lần

c) Giám sát chất lượng môi trường nước

Bảng 4. Giám sát chất lượng môi trường nước

STT	Ký hiệu	Vị trí lấy mẫu (*)	Chỉ tiêu	Tần suất
1	NT1	Vị trí kênh nhánh phía Đông Bắc bãi chứa.	pH, TSS	Tần suất: 7 ngày/lần trong thời gian thi công. Số lượng: 1 mẫu/1 vị trí.

(*) Lấy mẫu tại vị trí gần cửa xả.

d) Giám sát sạt lở, hư hỏng các công trình dọc hai bên tuyến luồng

- Nội dung giám sát: Quan sát tình trạng đường bờ, các công trình hai bên tuyến luồng trước khi thi công và trong suốt quá trình thi công; chụp ảnh những vị trí tiềm ẩn nguy cơ sạt lở, hư hỏng công trình và các biến động, thay đổi bất thường của đường bờ, công trình dọc hai bên tuyến luồng.

- Vị trí giám sát: Hai bên bờ kênh đoạn tuyến nạo vét.

- Đơn vị chịu trách nhiệm giám sát: Tư vấn giám sát thi công.

- Tần suất: Thường xuyên trong suốt quá trình chuẩn bị thi công và thi công nạo vét; khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về môi trường./.